TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHUC VỰC 6 - ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HS-ST
Ngày 06-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHUC VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Gót.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm: 1995, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số A, Tổ A, Khóm I, phường M, tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị Diễm P (đã chết); Có 02 chị em, bị cáo là con nhỏ trong gia đình; Chồng: Trần Bảo T, sinh năm 1995; Có 01 con, sinh ngày 13/8/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Thị D, sinh năm 1963 (đã chết).

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của bà D:

1. Trần Văn M, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Văn Đ, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Thị Mỹ A, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông Đ, bà A là: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1980 (có mặt). Nơi cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

4. Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Kiều P1, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A, đường Cái Sao, Tổ A, Khóm I, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Đình B, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kiều L không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Khoảng 06 giờ 10 phút, ngày 29/5/2025, L điều khiển xe mô tô biển số 66H1-079.72 chở theo con ruột là Trần Hoàng M1, sinh ngày 13/6/2024 ngồi phía trước, đi đưa đồ ăn sáng cho chồng làm việc tại quán G. Khi quay về, L điều khiển xe đi trên đường N hướng từ đường H đến đường T. Tại giao lộ đường Nguyễn Đình C1 và Nguyễn H có lắp đặt biển báo hiệu giao thông buộc tất cả các xe đi từ đường N ra đường N chỉ rẽ phải theo chiều đi của L. Tuy nhiên, khi L điều khiển xe đến giao lộ này, không chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu giao thông mà tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 66H1-079.72 đi thẳng qua giao lộ, do không chú ý quan sát nên xe mô tô của bị cáo điều khiển va chạm với xe mô tô 66F1-645.79 do bà Trần Thị D, sinh năm 1963, nơi thường trú: ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp, điều khiển chở phía sau là ông Trần Văn M, sinh năm 1964, cư trú cùng địa chỉ, là chồng của bà D, đang đi trên đường N hướng từ ngã tư Bưu điện đi ngã tư V nên xảy ra va chạm làm 02 xe mô tô và người ngồi trên xe ngã xuống mặt đường. Hậu quả: Bà Trần Thị D bị thương, được người dân đưa đến Bệnh viện Đ1 cấp cứu nhưng đã tử vong cùng ngày 29/5/2025.

- Kết luận giám định tử thi số: 591/KLGĐTT-KTHS ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ đối với kết luận nguyên nhân tử vong của bà Trần Thị D, sinh năm: 1963, nơi thường trú: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp kết luận:

- Các kết quả chính:

+ Ổ bụng chứa nhiều máu loãng.

+ Dập và tụ máu mặt trong qua bao thận và cuối thận.

+ Lách được phẫu thuật cắt bỏ, cuốn lách được khâu nhiều mũi chỉ, chỉ không bung, không đứt, không tụ máu.

- Kết luận: Bà Trần Thị D, sinh năm 1963 bị chấn thương bụng kín gây vỡ lách dẫn đến mất máu cấp đã được phẫu thuật cấp cứu nhưng không hồi phục là nguyên nhân tử vong.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 30/5/2025 thể hiện như sau:

+ Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn giao thông nói trên là nơi giao nhau giữa đường N và đường N. Đường N mặt đường rộng 16m50, ở giữa có 02 vạch màu vàng đứt nét, chia mặt đường làm 02 phần đường xe chạy ngược chiều nhau; mỗi phần đường xe chạy có 01 vạch màu vàng đứt nét chia thành 02 làn đường xe chạy. Trước nút giao có biển báo W.207a (giao nhau với đường không ưu tiên).

+ Đường N mặt đường rộng 7m20, ở giữa có 01 vạch màu vàng đứt nét chia thành 02 làn đường xe chạy ngược chiều nhau. Trước nút giao có biển báo W.208 (giao nhau với đường ưu tiên), biển báo R.301d (hướng đi phải theo, các phương tiện chỉ được rẽ phải khi đến nút giao).

+ Điểm mốc là trụ điện 122/P1, cách mép đường chuẩn 4m60. Mép chuẩn là mép đường bên phải đường N, theo hướng từ ngã tư Bưu điện đi ngã tư V.

+ Vùng va chạm giữa xe mô tô 66H1-079.72 và xe mô tô 66F1-645.79 đo vào mép đường chuẩn là 3,3m (phần đường của bà D đang đi).

- Kết quả khám phương tiện xe mô tô biển số 66F1 – 645.79, ghi nhận: Cần gắn gương chiếu hậu bên trái có vết trầy xước kích thước 0,03x0,01m; Phần ốp nhựa đầu đèn phía trước bên trái có vết trầy xước, kích thước 0,10m x 0,08m; 02 cây giảm sốc trước bị cong vênh nhiều hướng từ trái sang phải; Gác chân trước bên trái bị cong vênh từ trước ra sau, phần cao su bị mài mòn, đầu kim loại có vết có vết trầy xước, kích thước 0,015m x 0,015m. Đầu kim loại của gác chân sau bên trái có vết trầy xước, kích thước 0,02m x 0,01m.

- Kết quả khám phương tiện xe mô tô biển số 66H1 – 079.72, ghi nhận: Tay phanh trước gãy mất một phần đầu ngoài; Phần cao su của gác chân trước bên phải bị mài mòn, đầu kim loại có vết trầy xước, kích thước 0,015m x 0,015m. Bộ phận giảm thanh bị móp thụng từ ngoài vào trong, kích thước 0,2m x 0,13m.

Căn cứ Kết luận giám định số: 379/KL-KTHS ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh H đối với nồng độ cồn trong mẫu máu của bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 29/9/1995, nơi thường trú: Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Mẫu máu đựng trong 02 (hai) tuýp nhựa được niêm phong gửi giám định không tìm thấy E (cồn).

Căn cứ Kết luận giám định số: 608/KL-KTHS ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ đối với thành phần chất ma túy trong nước tiểu của bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 29/9/1995, nơi thường trú: Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong hộp nhựa có nắp đậy kín, ghi thu của bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1995, được thu giữ vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 29/5/2025 tại Công an P2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được niêm phong nêu trên gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và kết luận giám định pháp y về tử thi đối với Trần Thị D, xác định Nguyễn Thị Kiều L không có giấy phép lái xe theo quy định, không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị Kiều L đã vi phạm khoản 1 Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều L đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại 25.000.000 đồng. Gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với xe mô tô 66F1-645.79 qua xác minh thể hiện do Nguyễn Đình B là con rễ của bị hại mua và đứng tên đăng kí, để dùng chung trong gia đình, anh B không yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa xe. Hiện nay Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh B.

Đối với xe mô tô 66H1-079.72 qua xác minh thể hiện do Nguyễn Thị Kiều P1 là chị ruột của bị cáo mua và đứng tên đăng kí. Ngày 28/5/2025, P1 để xe mô tô 66H1-079.72 tại nhà cha mẹ ruột tại Khóm I, phường M, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Nguyễn Thị Kiều L tự ý lấy xe đi mà không thông báo P1 biết. Hiện nay Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho P1.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Kiều L khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên và phù hợp với biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, kết luận giám định, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 42/CT-VKS-KV6 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân nhân Khu vực 6 – Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều L phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều L mức án 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị Mỹ C trình bày: Vụ tai nạn xảy ra là ngoài ý muốn của bị cáo, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo và gia đình bị cáo luôn túc trực 03 ngày để lo đám tang cho bị hại, những ngày sau này bị cáo cũng đến cúng viếng bị hại và động viên gia đình bị hại, tại phiên tòa bị cáo quay mặt lại xin lỗi phía gia đình bị hại một cách thành khẩn, cho thấy bị cáo đã rất hối hận, ăn năn về hành vi của bị cáo. Đối với trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp nhất để bị cáo có điều kiện

chăm sóc cho con nhỏ, bị cáo đang mang thai. Hoàn cảnh bị cáo rất tội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chỉ có chồng bị cáo tạo ra thu nhập thấp để nuôi cha bị cáo không thể lao động, bị cáo đang mang thai, con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và bị cáo đang mang thai. Đối với trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường cho phía bị hại 25.000.000 đồng, phía bị hại không yêu cầu bất cứ khoản thiệt hại gì thêm.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kiều L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, kết luận giám định, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 06 giờ 10 phút, ngày 29/5/2025, Nguyễn Thị Kiều L (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 66H1-079.72 chở theo con ruột là Trần Hoàng M1, sinh ngày 13/8/2024 ngồi phía trước, đi trên đường N hướng từ đường H đến đường T khi đến giao lộ đường N và Nguyễn H do không chấp hành hiệu lệnh của biển báo giao thông (biển báo R.301d - hướng đi phải theo, các phương tiện chỉ được rẽ phải khi đến nút giao; biển báo W.208 - giao nhau với đường ưu tiên) mà điều khiển xe mô tô biển số 66H1-079.72 đi thẳng qua giao lộ, không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên khi qua nơi giao nhau, không chú ý quan sát nên xe mô tô của bị cáo điều khiển va chạm với xe mô tô 66F1-645.79 do bà Trần Thị D điều khiển chở phía sau là ông Trần Văn M đang đi trên đường N hướng từ ngã tư Bưu điện đi ngã tư V đã làm 02 xe mô tô và người ngồi trên xe ngã xuống mặt đường. Hậu quả: Bà Trần Thị D tử vong do bị chấn thương bụng kín gây vỡ lách dẫn đến mất máu cấp. Hành vi của

bị cáo đã vi phạm khoản 1, khoản 28 Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Bị cáo là người đã thành niên, đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô không chấp hành hiệu lệnh của biển báo giao thông (biển báo R.301d - hướng đi phải theo, các phương tiện chỉ được rẽ phải khi đến nút giao; biển báo W.208 - giao nhau với đường ưu tiên) mà đi thẳng qua giao lộ, không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên khi qua nơi giao nhau, không chú ý quan sát nên gây tai nạn làm bà Trần Thị D tử vong do do bị chấn thương bụng kín gây vỡ lách dẫn đến mất máu cấp, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Kiều L đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

"Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định; ..."

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây đau thương, mất mát cho gia đình bị hại. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại xong; đại diện gia đình bị hại có đơn xin bãi nại và rút yêu

cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, tại phiên tòa đại diện phía bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, đặc biệt bị cáo đang mang thai, có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chỉ có một mình chồng bị cáo có thu nhập thấp phải nuôi toàn bộ gia đình gồm có cha bị cáo không có thu nhập, bị cáo đang mang thai và con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự nhằm cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, do đó không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà chỉ áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc nuôi dưỡng con còn nhỏ và tự cải tạo, học tập, lao động, trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả xong, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số: AB801718, họ và tên: Trần Thị D, năm sinh: 1963, nơi cư trú: T, B, L, Đồng Tháp do Sở Giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 15/5/2007. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại D là bà Trần Thị Mỹ C, bà C đã nhận xong.

- Đối với 01 (một) Xe mô tô, đặc điểm: Xe mô tô biển số: 66F1-645.79, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, số khung: 7636JZ031949, số máy: JC76E0346756, màu sơn Xanh bạc, đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông. Nguyễn Đình B là con rễ của bị hại mua và đứng tên đăng kí, để dùng chung trong gia đình, anh B không yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa xe; 01 (một) Giấy đăng ký xe, Đặc điểm: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 048855, tên chủ xe: Nguyễn Đinh B1, địa chỉ: Mỹ Đ, M. H Cao Lãnh, ĐT, biển số đăng ký 66F1-645.79 do Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20/9/2018. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại tài sản cho anh B1, anh B1 đã nhận lại xong.

- Đối với 01 (môt) Xe mô tô; Đặc điểm: xe mô tô biển số 66H1-079.72, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, số máy: 52E-4319542, số khung: 21XCY221075, màu sơn vàng đen trăng, xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông. Nguyễn Thị Kiều P1 là chị ruột của bị cáo mua và đứng tên đăng kí. Ngày 28/5/2025, P1 để xe mô tô 66H1-079.72 tại nhà cha mẹ ruột tại

Khóm I, phường M, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Nguyễn Thị Kiều L tự ý lấy xe đi mà không thông báo P1 biết; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; Đặc điểm: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038347, tên chủ xe: Nguyễn Thị Kiều P1, địa chỉ: Ấp A, M, TPCL, ĐT, biển số đăng ký: 66H1-079.72, do Phòng C2 công an tỉnh Đ cấp ngày 09/7/2013. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại tài sản cho chị P1, chị P1 đã nhận lại xong.

[6] Về vấn đề khác: Đối với việc bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, tự ý lấy xe mô tô của chị ruột của bị cáo tên Nguyễn Thị Kiều P1 đứng tên chủ sở hữu, chị P1 không giao xe cho bị cáo điều khiển nên không có căn cứ xử lý chị P1 về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo Điều 264 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp tại phiên tòa, như đã phân tích nêu trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều L phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/5/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều L cho Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Văn Phong